**PHỤ LỤC XXIV**

MẪU BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: | *…., ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**Về thay đổi giá trị tài sản ròng**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên công ty quản lý quỹ:

- Tên ngân hàng giám sát:

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán:

- Kỳ báo cáo: từ ngày … tháng … năm … tới ngày … tháng ... năm …

*Đơn vị tính: VNĐ*

**I. Đối với quỹ định giá hàng ngày**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Kỳ báo cáo** | **Kỳ trước** |
| **I** | **Giá trị tài sản ròng** |  |  |
| 1.1 | của quỹ |  |  |
| 1.2 | của một lô chứng chỉ quỹ ETF |  |  |
| 1.3 | của một chứng chỉ quỹ |  |  |
| **2** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)** |  |  |
| 2.1 | Số lượng chứng chỉ quỹ |  |  |
| 2.2 | Tổng giá trị |  |  |
| 2.3 | Tỷ lệ sở hữu |  |  |

**II. Đối với các quỹ theo kỳ định giá khác/báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Kỳ báo cáo** | **Kỳ trước** |
| **I** | **Giá trị tài sản ròng** | | |
| **1** | **Giá trị đầu kỳ** |  |  |
| *1.1* | *của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán* |  |  |
| *1.2* | *của một lô chứng chỉ quỹ ETF* |  |  |
| *1.3* | *của một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu* |  |  |
| **2** | **Giá trị cuối kỳ** |  |  |
| *2.1* | *của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán* |  |  |
| *2.2* | *của một lô chứng chỉ quỹ ETF* |  |  |
| *2.3* | *của một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu* |  |  |
| **3** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó** |  |  |
| *3.1* | *Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư vừa quỹ/công ty đầu tư chứng khoán trong kỳ* |  |  |
| *3.2* | *Thay đổi do mua lại, phát hành thêm CCQ trong kỳ* |  |  |
| *3.3* | *Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư trong kỳ* |  |  |
| **4** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu so với kỳ trước** |  |  |
| **5** | **Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất** | | |
| *5.1* | *Giá trị cao nhất* |  |  |
| *5.2* | *Giá trị thấp nhất* |  |  |
| **6** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)** | | |
| *6.1* | *Số lượng chứng chỉ quỹ* |  |  |
| *6.2* | *Tổng giá trị* |  |  |
| *6.3* | *Tỷ lệ sở hữu* |  |  |
| **II** | **Giá trị thị trường** (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ/một cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (áp dụng đối với quỹ/công ty đầu tư chứng khoán niêm yết) | | |
| **1** | **Giá trị đầu kỳ** |  |  |
| **2** | **Giá trị cuối kỳ** |  |  |
| **3** | **Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước** |  |  |
| **4** | **Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (áp dụng đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán niêm yết)** | | |
| *4.1* | *Chênh lệch tuyệt đối \** |  |  |
| *4.2* | *Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) /thặng dư (+))\*\** |  |  |
| **5** | **Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất** | | |
| *5.1* | *Giá trị cao nhất* |  |  |
| *5.2* | *Giá trị thấp nhất* |  |  |

Lưu ý: \* Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm)

\*\* Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm)/Giá trị tài sản ròng

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |